

140 NĂM CẬN ĐẠI NHẬT BẢN VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG VĂN HOÁ NHẬT BẢN

GS. KATAOKA SACHIIKO*

Chúng ta đều biết quá trình Cận đại hoá Nhật Bản được bắt đầu bằng công cuộc Duy tân Minh Trị (1868) diễn ra cách đây gần 140 năm. Để thực hiện thành công việc Cận đại hoá, các nhà lãnh đạo Minh Trị đã đề ra một số khẩu hiệu, mà ngày nay chúng ta vẫn gọi là *keyword*, như: *Phú quốc cường binh*, *Thoát Á nhập Âu*... Nhưng đáng tiếc là khẩu hiệu *Phú quốc cường binh* chỉ được thực hiện thành công ở về đầu là *Phú quốc*, còn về sau là *Cường binh* đã thất bại nửa chừng trong cuộc chạy đua của Nhật Bản với các đế quốc hùng mạnh phương Tây. Còn khẩu hiệu *Thoát Á nhập Âu* thì sao? Samuel Huntington, trong tác phẩm *Sự xung đột của các nền văn minh*, khi phân loại các nền văn minh, đã tỏ ra lúng túng không biết xếp Nhật Bản vào loại hình văn minh nào và cuối cùng đã tạo ra một mục thứ 8 là *Văn minh Nhật Bản*. Phải chăng đó là vì Nhật Bản đã xây dựng nên một nền văn minh đặc biệt, không theo kiểu châu Âu cũng chẳng ra kiểu châu Á. Ngày nay, trong con mắt người châu Âu, người Nhật là những người chăm chỉ và buôn bán giỏi, nhưng lạ lùng và khó hiểu. Còn không ít người châu Á vẫn nhìn nhận Nhật Bản là một đất nước kì lạ với đã tâm nguy hiểm.

* Giáo sư Nhật Bản thỉnh giảng Khoa Đông phương học, Đại học KHXH và NV, Đại học Quốc gia, Hà Nội

Trong bài viết này, qua việc điểm lại 140 năm Cận đại hoá của Nhật Bản, tôi muốn phân tích về quan điểm của một số nhà tư tưởng và nhà văn Nhật Bản tiêu biểu qua các thời kì. Họ đã nhìn nhận thế nào về đất nước mình hay đã muốn xây dựng nên một đất nước như thế nào? Họ có tìm thấy ở đất nước Nhật Bản của mình một nền văn hoá mà họ yêu quý và tự hào không, hay họ không thực sự tự tin với nền văn hoá đó? Qua đó, tôi hy vọng đưa đến một cái nhìn cụ thể và dễ hiểu hơn về nước Nhật và người Nhật.

I. HAI NHÀ TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG THỜI MINH TRỊ

1. Tác phẩm *Khuyến học* của Fukuzawa Yukichi

Như đã trình bày trên, Minh Trị Duy Tân là một cuộc cách mạng đã thay thế thể chế chính trị và những quan niệm lỗi thời trước đó bằng một chế độ mới và các quan niệm giá trị mới theo kiểu phương Tây. Cuốn sách đã đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp này là *Khuyến học*, xuất bản năm Minh Trị thứ 5 (1873), của Fukuzawa Yukichi. Cuốn sách này đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất từ trước cho đến thời điểm đó và người Nhật thời Minh Trị đã tranh nhau đọc nó. Quan điểm của Fukuzawa Yukichi trong cuốn sách này rất rõ ràng, gồm 2 điểm chính sau:

- Như lời mở đầu nổi tiếng của cuốn sách *Trời không sinh ra ai ở trên mọi người và cũng không sinh ra kẻ ở dưới mọi người*, con người ta sinh ra vốn bình đẳng, không kể là sĩ nông công thương, miễn cố gắng trau dồi kiến thức, nâng cao năng lực, thì sẽ thành công và giàu có. Nói cách khác đây chính là *chủ nghĩa cá nhân duy lí*, được hình thành vào thế kỉ XVII và định hình ở Pháp và Tây Âu thế kỉ XIX. Fukuzawa khẳng định rằng nếu mọi người dân cùng nỗ lực thì Nhật Bản cũng có thể trở thành một nước giàu có như các cường quốc phương Tây.

- Một chủ trương nữa của Fukuzawa là *chủ nghĩa thực học*. Ông đã nhấn mạnh điều quan trọng trong việc trau dồi học vấn và tri thức không phải là học thuộc những kiến thức không còn phù hợp với xã hội và cuộc sống hiện đại như Nho học hay Hoà ca, mà cần những kĩ năng và kiến thức thực dụng hơn như đọc, viết và làm tính. Trên cơ sở quan niệm mới về học vấn và giáo dục, ông đã sáng lập nên trường Keio gijuku (Khánh Ứng nghĩa thực). Đúng như mong muốn của ông, cho đến hôm nay, nhiều người tốt nghiệp Đại học Keio đã trở thành những thương gia thành đạt hay những quan chức quan trọng trong bộ máy kinh tế của Nhật Bản. Hơn nữa, trong bối cảnh nền kinh tế Nhật Bản vẫn còn đang đứng trước nguy cơ khủng hoảng hiện nay, nhiều thanh niên Nhật Bản lại một lần nữa hướng về quan niệm *thực học*. Nếu so sánh một cách hình tượng thì tuy gần đây tiền giấy của Nhật Bản có nhiều thay đổi, nhưng riêng tờ 1 vạn yên vẫn giữ nguyên chân dung của Fukuzawa Yukichi.

2. Tác phẩm *Đối đáp kinh luân của 3 kẻ say* của Nakae Chomin

Tiếp theo Fukuzawa Yukichi là Nakae Chomin với tác phẩm *Đối đáp kinh luân*

của 3 kẻ say, xuất bản năm Minh Trị thứ 20 (1887), một tác phẩm tư tưởng tiêu biểu thời Minh Trị.

Nakae Chomin sinh năm 1847. Ông vốn là con cả của một gia đình võ sĩ cấp dưới ở Tosa (Tứ Quốc). Ông lên Edo học tiếng Pháp và tham gia vào đoàn sứ giả gồm 46 người (các phó sứ gồm những nhân vật sau này nắm giữ các vị trí trọng yếu trong chính quyền thời Minh Trị như Okubo Toshimichi, Kito Takayoshi, Ito Hirobumi...) do Chính phủ Minh Trị cử sang phương Tây. Nakae đã lưu học ở Pháp 3 năm, đến năm 1874 thì về nước. Sau một thời gian làm phiên dịch cho Chính phủ, ông xin từ chức. Năm 1882, ông dịch tác phẩm *Xã hội khế ước luận* của Jean Jacques Rousseau nên từng được gọi là Rousseau của phương Đông. Năm 1881, ông sáng lập tờ báo *Toyo jiyu* (Đông Dương tự do). Vì tư tưởng tiến bộ của tờ báo này nên ông bị trục xuất khỏi Tokyo và đến sống ở Osaka. Ông từng được bầu vào Hạ nghị viện, nhưng đã từ chức do chán ghét tình trạng mục nát của chính giới. Sau một thời gian, Nakae rời đến Hokkaido. Năm 1891, ông bị mắc bệnh ung thư. Khi nghe các bác sĩ tuyên bố chỉ còn một năm rưỡi, ông đã dồn sức xuất bản cuốn *Một năm rưỡi lẻ*. Cuốn sách này trở thành cuốn sách bán chạy nhất đương thời. Mặc dù được học trò là Kotoku Shusui tận tình chăm sóc nhưng ông đã qua đời năm 1901. Tác phẩm tiêu biểu nhất của Nakae là *Đối đáp kinh luân của 3 kẻ say*. Trong tác phẩm này, ông đã đưa ra một quan niệm chính trị mới đối với dân chúng, những người gánh vác sứ mạng của công cuộc Cận đại hoá Nhật Bản. Tác phẩm được viết dưới hình thức câu chuyện đối đáp của 3 trí thức trong khi uống rượu say nên được gọi tắt là *3 kẻ say*.

Trước hết là nhân vật *Hiệp sĩ Dương học*, một triết gia thông minh, ăn nói lưu loát, đại diện cho tư tưởng Cận đại hoá kiểu phương Tây. Ông ta chủ trương khai hoá tình hình chính trị xã hội Nhật Bản theo con đường của phương Tây, tức là qua các thời kì Quân chủ, Lập hiến để hướng tới chế độ Cộng hoà. Điều kiện để làm được điều này là xác lập tại Nhật Bản 3 nguyên tắc Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Vì vậy, nhân vật *Hiệp sĩ* chủ trương thủ tiêu quân bị, yếu tố không cần thiết cho một đất nước Nhật Bản mới. Tiếp đó là nhân vật *Hào kiệt Quốc học*, mặc kimono của võ gia. Ông này lớn tiếng phản đối tư tưởng của *Hiệp sĩ* và cho rằng đó là quan niệm kiểu bàn giấy. Nay là thời mạnh ức hiếp yếu, phương Tây đang lần lượt xâm chiếm các nước Á Phi. Chiến tranh giữa các nước là không tránh khỏi. Các nước nhỏ càng cần có quân đội mạnh. Các nước châu Á đất rộng, tài nguyên phong phú nhưng chính trị lại suy yếu. Nhật Bản đương thời đang có hai phái là *Đổi mới* và *Hoài cổ*. Cần xoá bỏ khuynh hướng thứ 2, đưa Nhật Bản tiến vào châu Á, xây dựng một Đế quốc hùng mạnh. Người im lặng lắng nghe cuộc tranh luận trên là *Tiến sĩ Nam hải học*. Ông cho rằng điều *Hiệp sĩ* nói là cần thiết nhưng không dễ thực hiện trong tình hình thực tế. Ông nhấn mạnh cần phải nâng cao ý thức của dân chúng về *nhân quyền*, nhưng lại phản đối chủ trương xâm lược Trung Quốc, ngược lại, cần hiệp lực với các lực lượng dân chủ ở các nước châu Á hướng tới hoà bình. Ông cho rằng Nhật Bản cần thiết lập một chế độ Quân chủ Lập hiến, với sự cai trị của Thiên hoàng và chế độ Nghị viện, cần chú trọng đến phúc lợi của dân chúng, đến giáo dục và phát triển công thương.

Trên thực tế các tư tưởng trên mặc dù

được viết ra thời Minh Trị nhưng đã dự báo được cả lộ trình lịch sử của nước Nhật sau đó, kể cả trong Đại chiến Thế giới thứ hai và thời Hậu chiến.

II. PHÊ PHÁN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN VÀ NHỮNG Mâu THUẬN CỦA NÓ TỪ CUỐI THỜI MINH TRỊ ĐẾN THỜI KÌ DÂN CHỦ ĐẠI CHÍNH

Nhật Bản chiến thắng hai cuộc chiến tranh Nhật-Thanh và Nhật-Nga, xâm lược vào Hàn Quốc, xác lập được quyền lợi ở Trung Quốc. Nhật Bản nhờ thế càng ngày càng có vị thế của một cường quốc ở châu Á. Một mặt Chính phủ hướng sự chú ý của dân chúng đến quyền lợi của Nhật Bản ở nước ngoài, mặt khác liên tiếp đề ra các chính sách đàn áp người lao động, lực lượng duy trì sự phát triển kiểu tư bản chủ nghĩa của Nhật Bản, và áp chế các trí thức. Chính vào giai đoạn này, trên diễn đàn lí luận của Nhật Bản đã xuất hiện một trào lưu mới.

1. Hai nhà văn hoá đã đặt vấn đề nghi vấn đối với chính sách Văn minh Khai hoá của Chính phủ

Okakura Tenshin là người có công lao lớn trong việc sáng lập trường đại học nghệ thuật đầu tiên của Nhật Bản. Okakura trong tác phẩm *Cuốn sách về Trà*, xuất bản năm Minh Trị thứ 39 (1906), đã phê phán Văn minh Khai hoá lấy hiệu quả vật chất làm trọng. Ông kêu gọi phục hồi lại quan niệm về vẻ đẹp truyền thống của Nhật Bản như thái độ trân trọng đối với giá trị bình dị của một chén trà hay một bông hoa. Cùng thời với ông là Natsume Soseki, nhà văn tiêu biểu cho tư tưởng Cá nhân chủ nghĩa thời Cận đại. Trong các tác phẩm *Từ đó* (Minh Trị 42-1909), *Sự khai hoa của Nhật Bản hiện đại* (Minh Trị 44-1911), Natsume đã phê phán tư tưởng *Đệ nhất quốc* là ngu dốt,

ngông cuồng kiểu *Châu chấu đá xe*, đồng thời lên án Chủ nghĩa dân tộc và chính sách Văn minh Khai hoá mà Chính phủ Minh Trị đang tiến hành. Ông cho rằng cần coi trọng Chủ nghĩa cá nhân kiểu Cận đại và ý thức *Biết mình biết người*.

2. Các nhà tư tưởng đề xướng chủ trương bảo vệ dân quyền kiểu Cận đại

Mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản Nhật thời Cận đại ngày một gia tăng. Một mặt chính phủ đàn áp dân quyền, mặt khác nỗ lực xây dựng một quốc gia Đế quốc chủ nghĩa ở châu Á. Vào thời điểm này xuất hiện hai nhà tư tưởng tiêu biểu đã chỉ ra mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản Cận đại và nguy cơ của tư tưởng nước lớn. Người thứ nhất là Kawakami Hajime với tác phẩm *Câu chuyện bản hàn* (Đại Chính 5, 1916) và người thứ 2 là Kotoku Shusui, đệ tử của Nakae Chomin, với tác phẩm *Chủ nghĩa Đế quốc-quái vật của thế kỉ XX* (Minh Trị 34, 1901). Kotoku cho rằng đỉnh điểm của trào lưu dân tộc chủ nghĩa trong chính sách đối ngoại cũng có nghĩa là đỉnh cao của tội ác trong chính sách đối nội. Nhưng tư tưởng của Kotoku đã bị chính quyền Minh Trị đương thời kết tội là vô chính phủ và ông đã bị xử tử hình lúc 39 tuổi. Còn Kawakami lại là người đầu tiên chỉ ra rằng mâu thuẫn trong xã hội Nhật Bản tư bản chủ nghĩa cũng giống như mâu thuẫn trong xã hội Anh quốc, nơi Nhật Bản đã tiếp thu tư tưởng tư bản chủ nghĩa. Đó là mâu thuẫn giữa sự phát triển của tầng lớp xã hội giàu có với sự gia tăng của tầng lớp bản hàn. Ông khẳng định: *Sứ mạng của tư tưởng kinh tế học cá nhân chủ nghĩa do Adam Smith đề xướng đã hết. Đây là thời điểm cần thiết để xuất hiện tư tưởng kinh tế học mới đúng đắn hơn. Đó là lời tiên đoán về khả năng của kinh tế học Mác*

xít.

Chính trong bối cảnh tranh luận gay gắt trên diễn đàn lí luận như vậy, nước Nhật thời Cận đại đã đối mặt với một thời điểm vô cùng quan trọng: năm Đại Chính thứ 13 (1924).

3. Vấn đề năm Đại Chính thứ 13

10 năm trước, tác phẩm *Những bức thư ngoại giao* của Paul Claudel, một nhà thơ và nhà biên kịch nổi tiếng người Pháp, đã được xuất bản. Ông vốn là Đại sứ của Pháp tại Nhật Bản trong 6 năm rưỡi (1920-1927) và thường xuyên phải báo cáo về nước khuyh hướng ngoại giao Nhật Bản. Các lá thư của ông gửi về Pháp là những tư liệu quan trọng, phản ánh tình hình Nhật Bản đương thời và thái độ lo lắng của tác giả đối với tương lai nước Nhật. Thậm chí Paul Claudel đã vài lần lưu ý Chính phủ Nhật Bản về thời điểm nhạy cảm này. Nhưng những lời cảnh cáo của ông đã không thay đổi được tình hình. Nhật Bản đã lần lượt bị các cường quốc phương Tây cô lập. Năm 1924 là thời điểm quan trọng trong tiến trình này, đặc biệt là quan hệ của Nhật Bản với Mỹ. Sau đây tôi xin giới thiệu vài đoạn trong bức thư của ông.

Người Nhật đã biến vùng California của nước Mỹ thành vùng sản xuất lúa gạo. Riêng năm ngoái 8 vạn tấn gạo sản xuất ở đây đã được nhập về Nhật Bản... Trong khi đó, nghị viện Mỹ lại đưa ra điều khoản phân biệt đối xử đối với người Nhật di cư, cấm họ sở hữu đất đai tại Mỹ, thậm chí đuổi con cái của họ ra khỏi các trường công lập... (23/4/1924)

Mãn Châu đúng là vấn đề trọng yếu của Nhật Bản. Nhưng việc Nhật Bản phồn vinh nhờ nguồn lợi nhuận từ Mãn Châu lại ảnh hưởng đến quyền lợi của Pháp... (6/5/1924)

10 năm trước Nhật Bản bị Đức, Pháp và Nga can thiệp, bị hạn chế quyền lợi ở Trung Quốc. Sự bất mãn này đang được hướng sang nước Mỹ. Có nơi nào trên trái đất này không có sự khó chịu đối với màu da Anglo-Saxon?... Ảnh hưởng của Mỹ đối với Nhật Bản và sức mạnh vật chất của các mặt hàng nhập khẩu từ Mỹ vào Nhật Bản giống như cơn hồng thủy đang ồ ạt ập đến qua Thái Bình Dương. Trong khi đó ở Nhật Bản có một quân đội có lòng tự trọng mãnh liệt, khả năng cảm thụ quá độ và sự bất mãn sâu sắc. Một người đàn ông đã mổ bụng tự sát trước Đại sứ quán Mỹ để thể hiện thái độ phản kháng... Các tờ báo lớn của Nhật cũng đã lần lượt lên tiếng phản kháng... Mũi nhọn của Trung Quốc đang hướng về Nhật Bản. Hiện nay người Nhật đang hướng về Mỹ với một thái độ giống như vậy, nhưng ngược lại điều này có thể trở thành vũ khí nguy hiểm đối với Nhật Bản. Tại sao ư? Vì nước Mỹ có những thủ đoạn báo thù mạnh mẽ hơn nhiều! (4/6/1924)

Tiếp theo tác giả của *Những bức thư ngoại giao* cảnh báo rằng trong một thời gian dài, người Nhật đã cố gắng tự cho mình là người châu Âu da vàng, khác với người Trung Quốc lóng giềng, nhưng lúc này người Nhật cần đề phòng động thái của Mỹ, vừa cố gắng làm giảm cơn giận dữ của nước này, đồng thời tăng cường tình cảm liên kết với châu Á, nhất là Trung Quốc.

Một người Nhật đã phát hiện ra tình hình nguy hiểm này và lên tiếng trên văn đàn cảnh báo về chiến tranh. Đó là nhà văn Musanokoji Saneyasu. Trong đoạn đầu của cuốn tạp chí tổng hợp tiêu biểu của Nhật Bản là Văn nghệ xuân thu, ông đã viết: *Tôi nhận thấy hơi thở của cuộc chiến Nhật-Mỹ trước mắt... Tôi nghĩ rằng*

cần để thời đại con người tàn sát lẫn nhau, phân chia thắng bại bằng vũ lực lùi vào quá khứ... Nhưng vào thời điểm trọng đại đối với vận mệnh của Nhật Bản tôi lại cảm thấy thiếu đi sức mạnh xoay chuyển tình hình. Người ngăn chặn được nguy cơ này, hướng đất nước sang một hướng đi tốt hơn chính là thanh niên... Nhà văn không có sức mạnh của chính trị gia nhưng lại có vị trí tốt đẹp trong thanh niên... Ít ra điều có thể nói vào lúc này là Nhật Bản chọn lựa chiến tranh tức là rơi vào cái bẫy của Mỹ. Nhưng, bỏ ngoài tai lời nhắc nhở của vị Đại sứ nước ngoài và sự xôn xao của dư luận trong nước, Chính phủ Nhật Bản và những người nắm quyền hành đã dẫn nước Nhật lao vào cuộc chiến tranh Thái Bình Dương vô vọng để nhận lấy những trái bom nguyên tử bi thảm đầu tiên trên thế giới và khiến người dân Nhật Bản phải nếm trải mùi vị bại chiến cay đắng.

III. NHỮNG LUẬN ĐIỂM VỀ NHẬT BẢN VÀ VĂN HOÁ NHẬT BẢN TIÊU BIỂU TRÊN LUẬN ĐÀN NHẬT BẢN SAU ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI THỨ HAI.

Có lẽ không chỉ ở Nhật Bản mà ở nhiều nước, khi người dân phải nếm trải nguy hiểm và đau khổ thì cuộc tranh luận về xã hội và văn hoá của nước đó lại càng diễn ra mạnh mẽ. Nhưng người Nhật Bản vào thời điểm như vậy thường có khuynh hướng nhìn lại, tranh luận về đất nước mình một cách sôi nổi theo hai phe chính: một bên là khuynh hướng muốn hồi phục lại những giá trị truyền thống và bên kia là khuynh hướng kì vọng vào sự hiện đại hoá và quốc tế hoá.

1. Trường hợp của hai học giả - bình luận gia tiêu biểu thời Hậu chiến

- Tác phẩm *Văn hoá tạp chủng* (1946) của Kato Shuichi hay *Tính tạp chủng văn*

hoá - hi vọng nhỏ nhoi của Nhật Bản

Kato đã bàn về đặc trưng và khả năng của văn hoá Nhật Bản như sau: Nhật Bản có một nền văn hoá truyền thống được xây dựng trong một thời gian dài, bắt đầu là Thời đại Thần thoại của đất nước Yamato cổ đại, trải qua quá trình truyền bá Văn hoá Phật giáo Trung Quốc thế kỉ VII, tiếp đến là thời kì Văn hoá quý tộc trong các thế kỉ IX-XII, Văn hoá võ gia thế kỉ XIII-XVII, phát triển lên thời kì Văn hoá thương nhân - thường dân thời Edo. Tất nhiên tương ứng với các thời kì đó, kinh tế - xã hội Nhật Bản cũng trải qua các giai đoạn phát triển từ Cổ đại-Trung thế - Cận thế. Nhưng sự xuất hiện đột ngột của văn minh phương Tây đầu thời Minh Trị đã đem lại ảnh hưởng mạnh mẽ đến xã hội Nhật Bản. Trước tình hình đó, người Nhật vốn dễ dung hoà không hề có hàng rào ngăn chặn. Nhật Bản, vốn chịu ảnh hưởng của văn minh châu Á trong một thời gian dài, đã đề xướng các chính sách *Phù quốc cường binh, Thoát Á nhập Âu*. Tuy đề cao khẩu hiệu kiểu dân tộc chủ nghĩa là *Đuổi kịp châu Âu, vượt châu Âu*, nhưng Nhật Bản lại bị đánh tan trong Đại chiến với các cường quốc này. Nước Nhật cũng giống như tinh thần suy sụp vì chiến bại của người Nhật năm 1945. Sau chiến tranh, trào lưu phương Tây hoá lại nổi lên, quan điểm phát triển một xã hội hiện đại kiểu phương Tây và tinh thần cá nhân chủ nghĩa đã chi phối văn đàn Nhật Bản. Có thể nói lịch sử xã hội Nhật Bản từ thời Minh Trị trở đi đã xoay chuyển giữa các khuynh hướng phương Tây hoá, phục cổ, quốc tế hóa, dân tộc chủ nghĩa, tùy theo từng giai đoạn mà người Nhật ngã theo khuynh hướng này hay khuynh hướng kia với lòng tự tin mạnh mẽ hay cảm giác đau khổ tràn trề.

Trong *Văn hoá tạp chủng*, Kato chủ trương rằng trong mỗi giai đoạn lịch sử như vậy, không nên chỉ lựa chọn thuần túy một khuynh hướng (phương Tây hay phục cổ) mà bằng cách tiếp nhận và dung hoà các khuynh hướng sẽ có thể xây dựng được một *nền văn hoá tạp chủng* kiểu Nhật Bản mới. Ông cho rằng điều đó không chỉ làm phong phú thêm văn hoá Nhật Bản mà còn làm nảy sinh hi vọng mới trong xã hội Nhật Bản.

- Tác phẩm *Tư tưởng Nhật Bản* của Maruyama Masao (1961) hay *Văn hoá mở của phương Tây và Văn hoá khép kín kiểu Nhật Bản*

Maruyama đã lên tiếng phủ định hi vọng của Nhật Bản theo quan điểm *Văn hoá tạp chủng* của Kato Shuichi bằng quan điểm về *Văn hoá tạp cư*. Ông cho rằng: Có hai loại hình văn hoá xã hội. Một là *Văn hoá khép kín* trong một xã hội không có sự cởi mở, trong đó các nhóm tư tưởng và các nhóm trí thức phân hoá ngay từ đầu và tồn tại một cách độc lập, không xây dựng được các diễn đàn chung và không trao đổi với nhau. Loại thứ hai là *Văn hoá mở* trong một xã hội cởi mở có cơ tầng văn hoá truyền thống đồng nhất. Trên cơ sở hai cách gọi trên, ông phân tích về truyền thống mang tính *tạp cư* của văn hoá Nhật Bản như sau:

Các tôn giáo truyền thống của chúng ta lúc đầu đều bộc lộ thái độ đối kháng với các luồng tư tưởng mới du nhập vào, nhưng qua sự đối kháng đó, các yếu tố truyền thống không tự biến đổi một cách tự giác, mà trên thực tế, các luồng tư tưởng cũ mới được tiếp thu chông chát một cách vô trật tự, tạo nên tình tạp cư trong đời sống tinh thần của người Nhật Cận đại.

Theo Maruyama, kiểu *Văn hoá hũ nút*

này vẫn đang tiếp tục cho đến tận ngày nay: Dù trong xã hội, hay trong cơ cấu quan chức, trong cơ quan giáo dục, trong hệ-thống công đoàn của các doanh nghiệp, ở đâu cũng có khuynh hướng co lại một nhóm theo kiểu khép kín. Trên thực tế các trường đại học ở Nhật Bản, ngay cả Đại học Tổng hợp đều tạo cho người ta ấn tượng là sự *tạp cư* của nhiều khoa có chuyên môn khác nhau trong cùng một cơ sở. Giữa các trường đại học từ trước đến nay đều tồn tại tình trạng học phiệt. Maruyama cho rằng: *Vấn đề chính là ở chỗ các tư tưởng và suy nghĩ khác nhau không thực sự được trao đổi mà chỉ được đặt trong cùng một không gian chung. Do đó, nếu các tư tưởng đa dạng được trao đổi bên trong không gian đó thì có thể hi vọng sẽ nảy sinh tình tạp chủng mới.* Tư tưởng của Maruyama đã đem lại một ý nghĩa tích cực cho quan điểm về văn hoá tạp chủng của Kato.

Nhưng việc xã hội Nhật Bản hôm nay vẫn mang trong mình những vấn đề cơ bản mà Maruyama đã chỉ ra chính là vấn nạn cho đến hôm nay.

2. Trường hợp hai nhà văn đoạt giải Nobel

Đây là trường hợp hai nhà văn có quan điểm tương đối đối lập về Nhật Bản luận và Văn hoá Nhật Bản: Kawabata Yasunari và Oe Kenzaburo.

- Kawabata Yasunari với tác phẩm *Tôi của nước Nhật tươi đẹp* (1969)

Người Nhật lớn lên với cây xanh và thiên nhiên 4 mùa thay đổi nên rất giàu tình cảm và có trực giác đặc biệt khó diễn tả bằng lời. Kawabata đã miêu tả tâm hồn truyền thống đó của người Nhật qua các tác phẩm *Xứ tuyết*, *Thiếu nữ mùa ở Izu*. Trong đó, bằng một thể văn đặc biệt sống động ông đã làm hiện lên một

thế giới tình cảm mãnh liệt một cách hào hoa và bí ẩn. Khi đã luống tuổi, trong các tác phẩm *Con hạc nghìn cánh* và *Âm thanh của núi*, ông lại miêu tả một thế giới luôn biến đổi kì diệu giữa sự sống và cái chết thông qua hình ảnh bản thân mình và người thiếu nữ trẻ. Trong tác phẩm đoạt giải Nobel văn học năm 1969 là *Tôi của nước Nhật tươi đẹp*, ông đã viết ở đoạn mở đầu như sau: *Tôi đã nghiên cứu sự sâu sắc của tín ngưỡng và văn học không phải bằng những ngôn từ khó hiểu mà bằng cách sống trong am cỏ, mặc áo vải thô, dạo chơi trên những con đường hoang, đùa nghịch với trẻ nhỏ, nói chuyện cùng nông phu.* Ông đã ngâm bài thơ *Từ thế* của Thiên sư Ryokan thời Cận thế:

Mùa xuân hiển hiện bằng hình ảnh của hoa

Mùa thu là tiếng chim tử quyên trên núi và lá đỏ

Qua đó ông nhấn mạnh: *Trực cảm cao hơn mọi luân lí.* Cần coi trọng tình cảm thức tỉnh trong tâm hồn Yamato hơn những luân lí mà người phương Tây đem đến. Ryokan cũng đã viết *Bài ca đi đường* như sau:

Không thể nói lời của trái tim là gì

Giống như âm thanh của gió trong rừng thông trên tranh thủy mặc

Nhưng khoa học kĩ thuật và tư tưởng thực tế mà người Nhật học từ phương Tây từ thời Minh Trị trở đi đã hoàn toàn đối lập với tâm hồn truyền thống Nhật Bản mà Kawabata đã vẽ lên một cách trù mến. Giá trị quan và thế giới quan Cận đại đã ăn sâu vào xã hội Nhật Bản. Các giai đoạn chính sách *Phú quốc cường binh*, tư tưởng *Thoát Á nhập Âu*, đến giai đoạn *Đế quốc chủ nghĩa*, rồi giai đoạn *Hậu chiến*, giai đoạn *Quan dân nhất thể*

trong thời *Tăng trưởng kinh tế cao* đã đưa Nhật Bản đến với một nền văn minh đô thị lớn.

- Oe Kenzaburo và tác phẩm *Bóng đá thời Manengannen*

Sinh ra và lớn lên sau chiến tranh, trong một loạt các tác phẩm *Sự hào phóng của người chết*, *Thời đại của tôi*, *Bóng đá thời Manengannen*, Oe Kenzaburo đã viết về xã hội Nhật Bản hiện đại với sự giàu sang và cuộc sống của bản thân ông trong những năm bị quân đội Mỹ chiếm đóng, về những đứa trẻ thiếu năng bầm sinh. Thông qua các tác phẩm này, bằng ngòi bút khó hiểu đến ương ngạnh, ông đã phân tích hiện thực cuộc sống của những người bị xã hội xa lánh và xô đẩy, cũng như một xã hội phải gánh chịu những mất mát bi thảm của chiến tranh. Mặt khác, trong các phóng sự và bình luận như *Ghi chép Hiroshima*, *Vấn đề Okinawa*, ông lại chỉ ra sự tồn tại xuyên suốt của khả năng tái sinh cho xã hội Nhật Bản vốn đã khiếp sợ bởi bom hạt nhân và chiến tranh.

Bằng cách đó, Oe đã dung hoà tâm hồn truyền thống của Nhật Bản tươi đẹp mà Kawabata yêu quý với một Nhật Bản Cận đại hàm chứa trong đó nhiều yếu tố văn hoá phương Tây. Ông đã mở ra khả năng dung hoà các yếu tố văn hoá xã hội mâu thuẫn mang tính vận mệnh của Nhật Bản. Oe đã đưa hiện thực đầy mâu thuẫn và không dễ hiểu (*aimai*) vào trong chính nội tâm của mình và dùng văn phong khó hiểu rất riêng của mình để biểu đạt nó. 10 năm trước trong lễ nhận giải Nobel, Oe đã phát biểu như sau:

Tôi xin đón nhận và chặn lại bằng cơ thể yếu đuối của mình những hậu quả sinh ra trong quá trình phát triển một cách quái đản của công nghệ và giao

thông trong thế kỉ XX, và sẵn sàng làm bất cứ điều gì để chữa chạy và hoà giải nó với toàn thể nhân loại.

Nhưng đáng tiếc là nhận thức về thế giới mà Oe đã chỉ ra vẫn còn là vấn đề chưa giải quyết được trong xã hội Nhật Bản hiện đại. Kawabata, người đã đề cao tâm hồn Yamato như một truyền thống tốt đẹp của Nhật Bản đã tự sát. Oe, người đã dũng cảm đón nhận sự thực về một Nhật Bản không rõ ràng và tươi đẹp, đang nỗ lực đối thoại với lương tâm thế giới, đang tìm cách giải quyết vấn đề quan trọng nhất của thế kỉ XXI là sự đối thoại của các nền văn hoá, văn minh khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fukuzawa Yukichi 1872: *Gakumon no susume*
2. Nakae Chomin 1887: *Sansuijin keirin monto*
3. Natsume Soseki 1916: *Watashi no kojinchugi*
4. Okumura Tenshin 1906: *Cha no hon*
5. Kotoku Shusui 1901: *Nijuseki no kaibutsu teikokushugi*
6. Kawakami Hajime 1916: *Binbo monogatari*
7. Paul Claudel 1995: *Kodoku na teikoku-Nihon no 1920 nendai*
8. Kato Shuichi 1955: *Zasshu bunka-Nihon no chiisana kibo*
9. Maruyama Masao 1961: *Nihon no shisho*
10. Kawabata Yasunari 1969: *Utsukushii Nihon no watashi*
11. Oe Kenzaburo 1993: *Aimaina Nihon no watashi*
